



TÂM THỨC VỀ SIÊU VIỆT HIỆN SINH TRONG THƠ XUÂN DIỆU

Trần Khánh Phong*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

136 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Tóm tắt. Thơ Xuân Diệu trước 1945 quan tâm đến tồn tại của con người, vì vậy mà có nét gần gũi với tư tưởng hiện sinh. Đây là sự tương đồng giữa một hiện tượng thơ ca và một trào lưu triết học. Là nhà thơ lãng mạn, Xuân Diệu mang nỗi lo âu về ý nghĩa sự sống, có nỗi buồn vô cớ, có nỗi cô đơn khi con người nhận ra mình là giá trị duy nhất, có sự dẫn thân để mình tự làm nên chính mình... Vì vậy, thơ Xuân Diệu mang tâm thức hiện sinh và cụ thể là tâm thức về siêu việt hiện sinh.

Từ khóa. tâm thức hiện sinh, siêu việt hiện sinh, thơ Xuân Diệu trước 1945

1. Mở đầu

Việc đánh giá Thơ mới của Xuân Diệu được chia thành nhiều giai đoạn với những xu hướng khen, chê khác nhau. Để lại dấu ấn ở giai đoạn thứ nhất (những năm 30, 40 của thế kỷ XX) là công trình *Thi nhân Việt Nam* (Hoài Thanh – Hoài Chân). Nghiên cứu thơ Xuân Diệu, Hoài Thanh phát hiện ra một tình yêu thiết tha cuộc sống, một thái độ sống bông bột, mạnh mẽ *một nguồn sống rào rạt chưa từng có ở chốn nước non lặng lẽ này* [9, Tr. 116]. Dấu ấn của giai đoạn thứ hai (vào những năm 1960) là công trình *Phong trào Thơ mới* (1966 – Phan Cự Đệ) với nhận định *chạy trốn vào tình yêu là một cách thoát ly của Xuân Diệu, hướng thoát ly này thể hiện thái độ quay lưng với cuộc đời và đó còn là đặc điểm chung của Thơ mới* [1, Tr. 88]. Dấu ấn ở giai đoạn thứ ba (bắt đầu từ Đổi mới 1986) đến nay với xu hướng chung là khẳng định tính độc đáo, thái độ sống tích cực ở một con người mang *niềm khát khao giao cảm mãnh liệt* (Nguyễn Đăng Mạnh) là sự nở rộ về tình hình nghiên cứu thơ Xuân Diệu. Vấn đề tâm thức về siêu việt hiện sinh trong thơ Xuân Diệu trước 1945, chưa có tác giả nào quan tâm. Đây là hướng xem xét còn bỏ ngỏ và chúng tôi lựa chọn để bàn đến thơ Xuân Diệu trong bài báo này.

2. Nội dung

2.1. Sự siêu việt hiện sinh

Siêu việt là thuật ngữ mà các triết gia hiện sinh dùng để chỉ việc con người tự làm nên chính mình theo mình dự định. Để được gọi là siêu việt, con người phải nhận thức được

*Liên hệ: phonghbt@gmail.com

trách nhiệm làm nên chính mình, từ đó mà tự do lựa chọn để làm nên ý nghĩa cho tồn tại bản thân. Nhờ vậy, con người mới làm cho tồn tại của nó có ý nghĩa. Đó là sống một cách hiện sinh, sống với đòi hỏi con người bằng sự nỗ lực cá nhân để vươn lên, đột phá, xuyên thủng, để thực hiện việc *thấp sáng hiện sinh*. Vậy nên, chúng ta thường gặp ở các triết gia hiện sinh cách nói như “con người chỉ là cái mình tự tạo nên” [7, Tr. 20].

Điểm chung ở lý thuyết hiện sinh là khi đưa ra cách hiểu về con người, các triết gia (Nietzsche, Heidegger, Sartre...) đều chú ý gắn với siêu việt. Thậm chí, họ lấy *siêu việt* để nêu cách hiểu về con người, về ý nghĩa cơ bản của tồn tại con người. Với họ, *siêu việt* chỉ sự vươn lên, đột phá, xuyên thủng... nên luôn phải gắn với những ẩn dụ không gian, những ranh giới, những *hoàn cảnh giới hạn*. Đột phá hay xuyên thủng khiến cho mình siêu việt là những hành động dẫn ta đi từ một không gian này đến một không gian khác, từ thế giới này đến một thế giới khác. Nhưng không gian này hay không gian khác, thế giới này hay thế giới khác đều hiện hữu trong cuộc đời này, ngay lúc này, khi con người đang sống, đang tồn tại. Khi Nietzsche nói rằng *Thượng đế đã chết*, điều này có nghĩa là từ nay con người thay thế vai trò của Thượng đế, trở thành đấng tạo hóa. Ý nghĩa tồn tại của bản thân là điều mà con người tạo ra từ quyền năng mà nó có được khi *Thượng đế đã chết*. Đây không phải là tư tưởng phủ nhận sự tồn tại và vai trò của Thượng đế mà chỉ là sự hoán đổi vai trò mà thôi. Từ nay, con người phải đảm nhận vai trò của Thượng đế. Con người đã trở thành *người*, trở thành một thực thể cao quý đầy quyền năng và điều đó có ý nghĩa lớn lao nhất, điều đó biến mặt đất thành thiên đàng “Chúng ta đã trở thành người, vì thế chúng ta ước muốn vương quốc của mặt đất.” [6, Tr. 642] Mặt đất vốn là cái vương quốc mà con người có ở đó, sống ở đó. Giờ đây, mặt đất đã trở thành cái thế giới mà con người với nỗ lực đột phá, xuyên thủng để vươn đến. Ở đó, con người đạt được siêu việt. Với Heidegger, cái thế giới đã xuyên phá ấy còn cụ thể hơn nữa, đó chính là con người. Ông nói rằng “Con người là một cái gì vượt lên trên chính nó.” [2, Tr. 74] Như vậy, sự siêu việt ở con người cũng luôn gắn với hai thế giới, hai không gian. Một thế giới ở đó, *nó hiện là*. Một thế giới ở đó, *nó sẽ là*. Và chỉ ở một khoảnh khắc rất ngắn ngủi, khi *cái nó sẽ là* trở thành *cái nó hiện là* thì thế giới chứa *cái nó sẽ là* trước đây trở thành thế giới chứa *cái nó hiện là*. Rõ ràng là đã liên tục có hành động xuyên phá vươn lên trên chính mình, liên tục siêu việt để xuyên phá những thế giới chứa *cái nó sẽ là*. Mọi thế giới, không gian bị xuyên phá đó đều nằm trong con người. Mọi ước lệ và ẩn dụ về không gian ở trên đều nằm trong con người. Quá trình không ngừng xuyên phá, vượt lên chính mình đó diễn ra liên tục là cái lý do khiến Nietzsche yêu thương con người, vì *con người là một sự chuyển tiếp* [6, Tr. 584]. Với Sartre, đó chính là cái tương lai đang chờ đón con người, cái tương lai mà khi sinh ra ở đời, con người đồng thời đã phải có trách nhiệm *hoàn thành* nó. Ông nói “một khi con người đã xuất hiện ở đời, thì sẽ có một tương lai phải hoàn thành, một tương lai nguyên vẹn đang chờ đợi con người.” [7, Tr. 29] Tương lai phải hoàn thành là định mệnh mà con người đã phải gánh lấy trách nhiệm từ khi sinh ra ở cõi đời này. Thời gian ở chủ nghĩa hiện sinh được

xác định bằng *cái mà con người là*, hiện tại và tương lai là ý nghĩa tồn tại *đang là* và *sẽ là* của con người. Như vậy thì *đến cái sẽ là*, con người cũng phải xuyên phá không gian chứa *cái đang là*. Mọi ẩn dụ không gian, giới hạn cũng theo đó mà chỉ có trong con người. Quan niệm của Sartre có vẻ như gắn với thời gian, nhưng thực ra thì thời gian ở đây chỉ là thời gian được đánh dấu bằng tồn tại con người mà thôi. Ý niệm về thời gian ở Sartre cũng được hiểu như các triết gia hiện sinh khác, tức là thời gian được đánh dấu bằng *cái mình đã là*, *cái mình hiện là* và *cái mình sẽ là*. Nói như vậy, thì ẩn dụ không gian chứa đựng ý niệm về thời gian. Không ngừng vươn lên, xuyên phá, tức là không ngừng siêu việt, thì con người mới tránh được trạng thái tồn tại bất động, ù lỳ, dù trước đó nó đã đạt tới siêu việt. Điều đó được nhận ra từ chủ thể, tức là từ bên trong cũng như có thể được nhận ra từ người khác bên ngoài chủ thể. Có như vậy, cuộc đời nó mới có ý nghĩa, không ngừng có ý nghĩa mới, xứng đáng với ý nghĩa danh từ con người.

Với chủ nghĩa hiện sinh, siêu việt là vấn đề khá quan trọng bởi họ có niềm tin sâu sắc vào khả năng con người tự làm nên chính mình. Niềm tin đó khiến tư tưởng triết học hiện sinh mang màu sắc lạc quan. Niềm tin đó khiến chủ nghĩa hiện sinh mang ý nghĩa nhân bản sâu sắc. Dẫu vậy, quá đề cao con người cá nhân mà quên đi tính khách quan, phổ quát khi bàn bạc về siêu việt cũng khiến chủ nghĩa hiện sinh không thể thoát khỏi cái bóng duy tâm, chủ quan.

2.2. Lo âu như là cội nguồn của siêu việt trong thơ Xuân Diệu

Sống trên đời, con người luôn phải đối diện với vô vàn nỗi lo âu. Trong đó, có nỗi lo âu dựa trên nền tảng của sự thức tỉnh ý thức của con người cá nhân, khi mà con người cá nhân đó nhận ra giá trị sự sống bản thân, đó là nỗi lo âu mang tính bản thể. Nỗi lo âu đó có từ trước khi chủ nghĩa hiện sinh ra đời. Chủ nghĩa hiện sinh xuất hiện chỉ đóng vai trò cung cấp hệ thống cơ sở lý thuyết để con người lý giải một cách thấu đáo hơn nỗi lo âu mang tính bản thể đó. Nỗi lo âu trong thơ Xuân Diệu cũng bắt nguồn từ ý thức về giá trị, ý nghĩa sự sống của chính tác giả. Nhưng điều làm nên cái *mới nhất* ở Xuân Diệu là từ lo âu, ông đã vươn lên bằng một cách rất riêng để làm nên chính mình, tạo cho mình một *nguồn sống rào rạt chưa từng có ở chốn nước non lặng lẽ này*. Điều đó có nghĩa là, nỗi lo âu trở thành nền tảng, cội nguồn để tạo nên siêu việt trong thơ Xuân Diệu.

Nỗi lo âu trong thơ Xuân Diệu hướng về sự sống mà ông *đang có đó*, *cái mà ông đang là*. Xuân Diệu nhận ra rằng *cái có đó*, *cái đang là* không hề đứng yên, không là vĩnh viễn mà nó luôn chuyển động, thậm chí sự chuyển động đó diễn ra trong từng khoảnh khắc thời gian. Trần Đình Sử đã xem đây là sự phát triển cao độ của ý thức cá nhân “Ý thức cá nhân làm con người không tin vào cái vĩnh viễn, họ chỉ tin vào lúc này, kiếp này, thân này.” [5, Tr. 198] Cũng đề cập đến vấn đề này, các nhà nghiên cứu khác đã có lý khi cho rằng việc nhận ra cái quy luật khát khe của cuộc đời là một trong những nguyên nhân tạo ra nét độc đáo cho thơ Xuân Diệu và vì vậy mà thơ ông luôn có cái cảm giác nuôi tiếc:

*Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi
Nên bâng khuâng, tôi tiếc cả đất trời (Vội vàng)*

Nhận ra sự sống cá nhân không được vĩnh hằng như *trời đất*, cảm giác *bâng khuâng, nuối tiếc* xuất hiện và đằng sau đó là suy tư về lẽ tồn tại của một con người đã ý thức rất sâu sắc về giá trị sự sống cá nhân mình. *Đất trời*, cái vô hạn và vĩnh hằng, được nhắc đến trong mối tương quan so sánh chỉ làm rõ hơn cảm nhận về sự hữu hạn và ngắn ngủi của đời người. Suy nghiệm như vậy cũng là điều thường gặp trong thơ ca xưa nay, nhưng nét độc đáo ở Xuân Diệu là từ suy nghiệm đó mà một nỗi lo âu mang tính bản thể xuất hiện. Đó là nỗi lo âu hướng về sự sống bản thân mình. Lê Đình Ky cho rằng nỗi lo âu đó có nguồn gốc từ *khát vọng sống* [3, Tr. 187]. Nếu chỉ dừng lại là khát vọng sống thì chưa trọn vẹn, bởi trong thơ, Xuân Diệu đã thực sự sống, sống một cách có ý nghĩa. *Trời đất* thì còn mãi, trường tồn với thời gian nhưng *chẳng còn tôi mãi*. Tôi sống đó nhưng rồi sẽ mất đi. Sự sống của tôi sẽ chỉ là hư vô, sẽ không còn gì cả. Những phút giây được sống trên cõi đời này chỉ là thoáng qua, không có gì là vĩnh viễn. Mọi phút giây sống có ý nghĩa của tôi trên cõi đời này nhanh chóng mất đi, sẽ tan vào hư vô. Như vậy thì mọi ý nghĩa mà tôi tạo ra cho tồn tại của mình cũng sẽ nhanh chóng mất đi. Đời người là sự đối diện với hư vô. Suy nghiệm như vậy, lo âu là cảm giác tất yếu và mang ý nghĩa tích cực bởi nó xuất phát từ thái độ trân trọng con người, trân trọng sự sống của con người, dù đó là con người cá nhân. Điều này chúng ta cũng nhận thấy ở một số bài thơ khác của Xuân Diệu. Trong bài thơ *Đi thuyền*, đời người được nghiệm ra qua từng giây phút mà *tôi* nhận ra rằng sự sống đang nhanh chóng trôi đi: *Từ tôi phút trước sang tôi phút này*. Trong ý thức của Xuân Diệu, có một cái *tôi phút trước* khác *tôi phút này*, và đời *tôi* là một chuỗi vô tận những sự chuyển tiếp như vậy. Cái *tôi phút này* nhanh chóng thay thế cái *tôi phút trước*, và cái *tôi phút này* khi trở thành cái *tôi phút trước* thì cũng nhanh chóng bị thay thế bởi cái *tôi phút sau*. Cảm giác nhanh chóng mất đi những gì đang có đó ở đây, lúc này xuất hiện ở *Giục già là lòng ta không vĩnh viễn*, ở *Phải nói là sự thật hôm nay không thật ở ngày mai...* Xuân Diệu nhận ra có một sự chuyển tiếp diễn ra liên tục trong tồn tại mình. Nó diễn ra một cách nhanh chóng, không chờ đợi ai, không chờ đợi điều gì, không chờ đợi chính tôi. Sự chuyển tiếp đó đẩy tồn tại tôi đến với già nua, cái chết, đến với hư vô. Và với Xuân Diệu thì già nua, cái chết là sự trống rỗng, vô nghĩa của tồn tại. Nó đến khi cuộc đời không *ánh sáng*, không *bướm chim*, không *huong hoa* (Thanh Niên). Cái duy nhất mà tôi nhận ra mình có đó chỉ là *bộ xương khô*, không còn sự sống, hoàn toàn vô nghĩa. Đó là âu lo về ý nghĩa, giá trị của sự sống cá nhân, sự suy tư mang chiều sâu bản thể. Đứng ở hiện tại, nhìn rõ cái tương lai già nua, ốm yếu, vô nghĩa mà lo âu. Đó cũng là cái lo âu cho ý nghĩa sự sống: *Khép mắt buồn xa. Em sẽ bảo:/ – Có chàng Xuân Diệu, thuở xưa kia...* (Tặng bạn bây giờ). Sự lo âu đó khiến thơ Xuân Diệu mang dấu ấn của sự trần trụi cho ý nghĩa bản thể. Và từ cái nhìn suy nghiệm về bản thân, Xuân Diệu

tìm cách sống, sống một cách xứng đáng, tức là ông vượt qua được những điều đó để làm nên mình, vươn tới siêu việt.

Nhận thức về sự dửng dưng vô cảm giữa người với người là cái nhìn khám phá bản chất con người, là sự suy tư của con người với tư cách “kẻ sáng tạo ra ý nghĩa cho vạn vật, một ý nghĩa nhân bản.” [4, Tr. 129] Từ nhận thức đó, con người thấy ra rằng không có gì để nó có thể dựa vào mà tồn tại. Điều đó khiến Xuân Diệu luôn lo âu, trăn trở để tự tìm lấy lẽ sống, một lẽ sống có ý nghĩa cho tồn tại mình bằng việc *bám lấy cuộc đời mà sống* và lựa chọn *lôi sống huy hoàng* dù chỉ trong phút giây. Những điều đó khiến thơ Xuân Diệu gần gũi với tư tưởng hiện sinh.

2.3. Bám lấy cuộc đời mà sống

Thế Lữ lấy cảnh *tiên*, Lưu Trọng Lư chọn *trường tình*, Xuân Diệu chọn cuộc sống nơi trần thế... Đó là lựa chọn của thi nhân thơ Mới khi sống trong cuộc đời bóp nghẹt mọi mơ ước, hoài bão của con người ở xã hội Việt Nam trước 1945. Nét độc đáo ở Xuân Diệu là chọn chính cuộc đời làm nơi thoát ly, nơi thỏa mãn mọi ao ước. Các nhà nghiên cứu trước đây đã chỉ ra và lý giải rất thấu đáo lựa chọn này bằng quan niệm về cuộc đời của Xuân Diệu. Vậy lựa chọn bám lấy cuộc đời mà sống giúp Xuân Diệu tìm được ý nghĩa gì cho sự sống bản thân? Điều đó có thể làm rõ từ việc tìm hiểu ý nghĩa của sự lựa chọn ở Xuân Diệu. Bám lấy cuộc đời mà sống đã đưa con người về với chính nó, Xuân Diệu làm nên chính mình như mình dự định. Điều này khiến thơ Xuân Diệu gần gũi với tư tưởng hiện sinh.

Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Diệu có được sự lựa chọn bám lấy cuộc đời mà sống. Xuân Diệu phát hiện ra rằng dù cuộc đời có mong manh và luôn phải đối diện với hư vô, nhưng vẫn đáng để sống. Điều này khiến thơ Xuân Diệu gần gũi với thái độ ca ngợi trần thế, xem mặt đất là *vuông quốc ước muốn* ở Nietzsche. Chính vì vậy mà Xuân Diệu đã xem mình là *cây kim bé nhỏ* bị cuộc đời hút vào (*Cảm xúc*). Sống ở cõi đời này vẫn là lựa chọn tối ưu, vì cuộc đời này là nơi đáng sống, sự sống bản thân chỉ có ý nghĩa khi đang ở trên cõi đời này:

*Nhưng nghĩ lại: sống vẫn hơn là chết;
Gần hơn xa, yêu mến ngọt ngào thay!
(Lời vào thơ tập Gửi hương cho gió)*

Đứng trước những lựa chọn giữa *sống* hay *chết*, giữa *gần* hay *xa*, giữa *yêu mến* và *ngọt ngào* hay *căm ghét* và *đắng cay* khiến mình phải suy tư, lựa chọn, Xuân Diệu lựa chọn *sống: sống vẫn hơn là chết*. Có *sống* thì sự sống ở con người mới hiện hữu, mới tồn tại. Có *sống* con người mới nhận ra sự sống, mới có cơ hội làm cho sự sống đó có ý nghĩa, mới đem đến ý nghĩa cho tồn tại đó. Có *sống* như vậy, con người mới hoàn thành cái trách nhiệm với bản thân: làm nên chính mình. Lựa chọn của Xuân Diệu gắn với nhận thức về trách nhiệm làm nên ý nghĩa, giá trị cho sự sống, cho tồn tại bản thân. Lựa chọn đó vừa thể hiện thái độ

trân trọng cuộc đời trần thế vừa thể hiện tinh thần trách nhiệm với bản thân mình. *Sống* trở thành lựa chọn trong mọi hoàn cảnh trạng thái ở Xuân Diệu. Trong cô đơn, *sống* cũng là lựa chọn: *Đời đã hết. Chỉ riêng ta đứng mãi/ Ở nơi đây không dấu vết loài người* (Hy mã Lạp sơn). Nhận ra cô đơn kéo dài đến vô tận (*ngàn thế kỷ*) nhưng lựa chọn của núi cũng vẫn là *sống*, dù là sống trong cô đơn. Bởi với núi, *sống* có giá trị và *sống* mới có cơ hội làm nên giá trị cho tồn tại của nó. Thậm chí với núi, sống trong cô đơn cũng là giá trị, đó là cách tự làm nên chính mình và để lựa chọn sự sống đó thành chân lý với chính nó. *Sống* trở thành chân lý và điều kiện để làm nên chân lý. Nhận ra cuộc đời là hư vô, *sống* cũng là lựa chọn: *Đi say mà cứ đi sông/ Ta đi mau lại hơn luồng gió mau* (Cặp hài vạn dặm). Thậm chí, lia cành, lia khỏi nguồn nuôi dưỡng sự sống bản thân, *sống* cũng là lựa chọn của *chiếc lá*: *Lia cành, thân héo khô/ Hỡi chiếc lá giang hồ/ Đi đâu?/ – Tôi chẳng biết* (Chiếc lá). *Đi sông, đi đâu chẳng biết* khiến hành động đi không có mục đích, không mang chủ định, như là sự vô nghĩa, phi lý. Nhưng thực ra, với *ta* và *chiếc lá*, đi là nhu cầu tự thân. Có đi mới nhận ra mình đang sống. Dẫu biết vô nghĩa nhưng nhận ra nhu cầu tự thân là thì vẫn thực hiện hành động đi đó. Đi là được cảm nhận sự sống, cảm nhận qua hành động vận động, di chuyển của cái thân thể mà nó có đó. Như vậy, *sống* trở thành lựa chọn duy nhất ở Xuân Diệu. Đó là lựa chọn khi con người nhận ra giá trị sự sống của chính mình, nhận ra cô đơn như là một giá trị, là chân lý khi suy tư về tồn tại bản thân trong mối quan hệ tại thế. Phân vân giữa *gần* hay *xa*, *yêu mến* hay *căm ghét*, *ngọt ngào* hay *đắng cay* là lối sống cụ thể. Có thể hiểu rằng, khi đã lựa chọn sống thì Xuân Diệu đứng trước lựa chọn sống *gần* hay sống *xa* nhau, sống *yêu mến* và *ngọt ngào* hay sống mà *căm ghét* với những *cay đắng*. Sống *gần*, sống với *yêu mến* *ngọt ngào* là lựa chọn của Xuân Diệu: *Gần hơn xa, yêu mến ngọt ngào thay!* Lựa chọn sống với những *yêu mến*, *ngọt ngào* là một trong những lý do khiến Xuân Diệu quan tâm nhiều đến tình yêu. Khái niệm *yêu* trong thơ Xuân Diệu gắn với nỗi lo âu bản thể: *yêu là chết ở trong lòng một ít* (Cảm xúc). *Yêu là chết*, chính nhận thức về tình yêu như vậy khiến mỗi lần yêu là một bước đẩy cái sự sống bản thân dần vào thảm trạng trống rỗng, vô nghĩa. Vậy nhưng Xuân Diệu vẫn lựa chọn yêu tha thiết và được yêu: *Làm sao sống được mà không yêu* (Bài thơ tuổi nhỏ); *Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ* (Phải nói); *Cần chi biết ngày mai hay bữa trước?/ Gần hôm nay thì yêu dẫu là nên/ .../ Và mặc kệ nếu đó là đôi trá* (Mời yêu); *Tiếc nhau chi mai một đã xa rồi/ Xa là chết, hãy tặng tình lúc sống* (Tặng thơ)... Yêu trở thành tất yếu của sống, yêu là sống, sống là yêu, yêu là dấu hiệu của sự sống, yêu đem đến ý nghĩa cho sự sống. Lựa chọn *vẫn yêu*, Xuân Diệu đã làm nên một con người đúng với những gì ông có đó, đúng với những gì ông đã nhận ra trong ông đang là, một con người âu lo trước sự vô nghĩa của đời mình mà dẫn thân.

Bám lấy cuộc đời mà sống có nghĩa là bám lấy sự sống ở trong mình mà sống. Mà dấu hiệu sự sống ở Xuân Diệu là yêu. Tác giả nhận ra, làm nên sự sống phải dựa vào chính bản thân mình chứ không thể nhờ cậy vào bất kỳ ai trong cuộc đời này. Dẫu mang đậm dấu ấn tâm thức hiện sinh về sự cô đơn nhưng đó là thái độ có trách nhiệm với bản thân mình.

Đây chính là điểm tích cực đáng kể trong thơ Xuân Diệu. Và điểm tích cực này khiến thơ Xuân Diệu gần gũi với tư tưởng hiện sinh.

2.4. Thấp sáng sự sống bản thân

Như đã trình bày ở trên, bám lấy cuộc đời mà sống đã là cách làm nên chính mình ở Xuân Diệu. Vấn đề đặt ra ở đây là cách thức bám lấy cuộc đời như thế nào để làm nên một Xuân Diệu *mới nhất* trong những nhà thơ Mới? Và chính Xuân Diệu đã làm rõ vấn đề đó bằng lối sống đốt cháy, sống trọn vẹn, sống hết mình trong một phút giây ngắn ngủi. Đó là cách mà nhà thơ tự thấp sáng bản thân mình và là điểm gần gũi giữa thơ Xuân Diệu với tư tưởng hiện sinh và là vấn đề mà các nhà nghiên cứu trước đây chưa đề cập một cách thấu đáo.

Xuân Diệu có lối sống tự làm nên chính mình, tự thấp sáng cuộc đời mình theo những gì mình đã *dự định* là. Đó chính là điều mà Trần Đình Sử đã chỉ ra đặc điểm chung của thơ Mới mà Xuân Diệu là một trường hợp tiêu biểu của “khuynh hướng tự vượt mình, không ngưng đọng.” [8] Và điều đó chỉ cần một khoảng thời gian ngắn ngủi, một giây phút:

*Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm* (Giục già)

Hai lối sống được đưa ra để khẳng định sự lựa chọn cách thức tồn tại của Xuân Diệu: sống *huy hoàng* trong *một phút giây*. Xuân Diệu không chấp nhận lối sống buồn bã kéo dài cả cuộc đời. Bởi với ông, sống như vậy là vô nghĩa, sống như vậy là chết. Sống là phải sống một cách *huy hoàng*. Đó là lựa chọn duy nhất cho sự sống ở Xuân Diệu. *Sống huy hoàng* là ý thức rõ ràng và đầy đủ rằng mình đang sống, sống trọn vẹn sự sống trong cái thân thể mình đang có đó. *Sống huy hoàng* là lối sống không để phí hoài bất kỳ điều gì có ở sự sống trong mình: *Sống toàn tim! Toàn trí! Sống toàn hồn! Sống toàn thân! Và thức nhọn giác quan...* (Thanh niên). Sống huy hoàng với Xuân Diệu là sống *toàn tim, toàn trí, toàn hồn, toàn thân, thức nhọn giác quan, thức để mà sống, tất cả sống*. Sống không để phí hoài *tim, trí, hồn, giác quan...* Gần như là một sự bắt buộc với cái thân thể mà mình đang có đó, *sống huy hoàng* đòi hỏi mọi bộ phận cơ thể đều căng ra để sống, sống hết những gì chúng có đó. Và có vậy, *sống huy hoàng* mới đạt được sự sống trọn vẹn, mới tạo được *tiếng nói giao hòa giữa các giác quan* (Hà Minh Đức). Sống như vậy mới xứng đáng sống, mới tạo nên ý nghĩa cho tồn tại. Lối sống đó có thể hiện thái độ trân trọng sự sống bản thân khi đang sống trên cõi đời này. Như vậy, cái mình đang có đó ở Xuân Diệu cụ thể hơn lý thuyết hiện sinh. Ở Xuân Diệu, cái mình đang có đó là những bộ phận cụ thể trong cái thân thể: *tim, trí, hồn, giác quan*. Ý thức về thân thể, về sự sống của thân thể ở Xuân Diệu đã đi vào chi tiết nên với ông *sống huy hoàng* ở thân thể mình đang có đó phải dựa trên nền tảng sống hết mình của từng bộ phận trong cái thân thể đó: *Mênh mông* (Ta có quán.../ Ta có chân.../ Ta có lời.../ Và có lòng tin tưởng...), *Dâng* (Đây chòm thương nhớ.../ Đây nụ mơ màng.../ Đây lá bàng khuâng...), *Cảm xúc* (Đây là quán.../ Đây là bình.../ Đây là vườn...), *Lời kỹ nữ* (Tay em đây.../ Hôn em đây...)... Ý thức về những cái mình đang có đó là điều kiện

thiết yếu để làm nên ý nghĩa cho sự sống, sống huy hoàng cho cái thân thể mà Xuân Diệu đang nhận ra mình có đó.

Sống huy hoàng đó gắn với thời gian ngắn ngủi, *một phút*, là đầy đủ. Thời gian *một phút* là điểm khác biệt giữa thơ Xuân Diệu với thời gian siêu việt trong tư tưởng hiện sinh. Nếu hiện sinh đòi hỏi con người phải siêu việt trong cả cuộc đời, cả hành trình sống thì với Xuân Diệu chỉ cần *một phút giây* là đã đủ. Một phút giây sống huy hoàng đã là đầy đủ và đem đến ý nghĩa cho cuộc đời con người. Chỉ một phút giây nhưng “ý thức được tồn tại của mình, đang được sống, được yêu, được nếm trải” [10, Tr. 40–43] đã khiến cho tồn tại cả trăm năm này có ý nghĩa. Như thế đã là sống trọn vẹn, đủ đầy. Đó là sự lựa chọn của Xuân Diệu. Lựa chọn một phút giây sống có ý nghĩa, sống huy hoàng là sự khuếch đại và ngợi ca thời gian hiện tại. Như vậy thì thời gian hiện tại trong tư duy thơ Xuân Diệu cụ thể hơn quan niệm của chủ nghĩa hiện sinh. Ở thơ Xuân Diệu có cái cách khiến cho lựa chọn lối sống huy hoàng trong một phút giây đem tới ý nghĩa cho sự sống của con người cá nhân. Đó là cảm nhận cuộc đời bằng trực giác, cảm giác. Chính lối sống này khiến tác giả có thể cảm nhận được cuộc đời một cách đầy đủ, trọn vẹn. Vấn đề này đã được nhiều người quan tâm khi nghiên cứu phong cách tác giả. Trong thơ Xuân Diệu luôn xuất hiện những động từ biểu thị hành động mạnh mẽ khi tác giả bày tỏ khao khát bám lấy cuộc đời mà sống, bám bằng những cảm giác thực: *bấu, cắn, ôm, siết, riết, bám...* Xuất phát từ nhận thức về giá trị thân thể mà mình đang có đó, cảm nhận cuộc đời bằng trực giác, cảm giác là cách mà Xuân Diệu làm nên sự phong phú về ý nghĩa cho tồn tại của mình. Điều đó khẳng định thái độ trân trọng cái thân thể mà mình đang có đó, trân trọng từng bộ phận trong cái thân thể và sự sống đang có đó.

Lựa chọn thấp sáng sự sống bản thân bằng cách sống huy hoàng trong một phút giây là cách mà Xuân Diệu làm nên chính mình. Lựa chọn đó đã đem đến cho tồn tại của ông những ý nghĩa mang tính bản thể. Dẫu có những điểm khác biệt nhưng rõ ràng điều đó đã thể hiện rõ tâm thức hiện sinh về siêu việt trong thơ Xuân Diệu. Và điều này làm nên tính tích cực cho thơ Xuân Diệu.

3. Kết luận

Thơ Xuân Diệu không chịu ảnh hưởng của lý thuyết hiện sinh nhưng lại mang những trần trở về lẽ tồn tại của con người. Từ việc nhận ra cuộc đời là đáng sống, nên sự sống của ông gắn bó chặt chẽ với cuộc đời trần thế. Không chịu sống với cái sự sống tầm thường tẻ nhạt, Xuân Diệu đã thấp sáng sự sống trong chính mình. Những điều đó có nguồn gốc chung là ý thức về giá trị của cái thân thể mà mình đang có đó, sự trân trọng cái thân thể mình đang có đó cùng mọi trạng thái cảm xúc đã tạo nên nó. Thơ Xuân Diệu cũng cần được xem xét dưới nhiều góc độ, bởi nó cũng vì lẽ *nhân sinh*, chỉ có điều nhân sinh ở đây bó hẹp trong khuôn khổ

của một cá nhân đang ý thức về lẽ tồn tại của mình. Xem xét ở góc độ bản thể luận, tâm thức về siêu việt hiện sinh trong thơ Xuân Diệu mang ý nghĩa tích cực với sự sống mỗi con người.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Cự Đệ (1966), *Phong trào Thơ mới*, Nxb. Khoa học, Hà Nội.
2. Heidegger M. (1927), *Hữu thể và thời gian*, t.1, Trần Công Tiến dịch, Nxb. Quê Hương, Sài Gòn (1973).
3. Lê Đình Ky (1989), *Thơ mới những bước thăng trầm*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
4. Mounier E. (1970), *Những chủ đề của triết hiện sinh*, Thụ Nhân dịch, Nxb. Nhị Nùng, Sài Gòn.
5. Nhiều tác giả (2010), *Về con người cá nhân trong văn học cổ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Nietzsche F. (1971), *Zarathustra đã nói như thế*, Trần Xuân Kiêm dịch, Nxb. An Tiêm, Sài Gòn.
7. Sartre J. P. (1946), *Hiện sinh – một nhân bản thuyết*, Thụ Nhân dịch (1968), Nxb. Nhị Nùng, Sài Gòn.
8. Trần Đình Sử (2012), Địa vị lịch sử của phong trào Thơ mới, phebinhvanhoc.com.vn.
9. Hoài Thanh, Hoài Chân (1941), *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Hoa Tiên (tái bản, 1967), Sài Gòn.
10. Lưu Khánh Thơ (1996), Thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu, *Tạp chí Văn học*, Số 1/1996, 40–43.

CONSCIOUSNESS OF SUPERIOR EXISTENTIALISM IN XUAN DIEU'S POEMS

Tran Khanh Phong*

Ha Noi University of Education

136 Xuan Thuy, Cau Giay, Ha Noi

Abstract. Xuan Dieu's poems before 1945 concerned the human existence; therefore, it was close to existentialism. This is the resemblance between a poetical phenomenon and a philosophical trend. Being a romantic poet, Xuan Dieu had the anxiety about the meaning of life, the pointless sorrow, the solitude when one realises that they are the only value with the engagement to form oneself... Therefore, Xuan Dieu's poems include the existential consciousness and more particularly, consciousness about existential superiority.

Keywords. existential consciousness, existential superiority, Xuan Dieu's poems before 1945